

Số: 285/QĐ-THPTLQĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THPT Lê Quý Đôn – Hà Đông

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 3228/QĐ-SGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của bà Hoàng Thùy Dung, chức vụ: Phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THPT Lê Quý Đôn – Hà Đông (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng văn phòng, kế toán nhà trường và các tổ chuyên môn của trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử của Trường THPT Lê Quý Đôn – Hà Đông;
- Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;
- Tổ văn phòng;
- Tổ chuyên môn;
- Lưu : VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Gia Khánh



Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông
Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 28/QĐ-THPTLQĐ ngày 30/12/2025 của Trường THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông)

Đvt: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	27,917,916
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	25,791,069
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2,126,847
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

